TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:25/2018/HNST
Ngày: 23/02/2018
Về việc: "*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Nhung;

Các Hội thẩm nhân dân : 1/Bà Nguyễn Thị Diệu Trang;

2/Ông Nguyễn Thành Công;

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Huỳnh Sa Rên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long tham dự phiên tòa: Ông Phan Văn Hiếu.

Ngày 23 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Càng Long mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 176/2018/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 01 năm 2018 về việc "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2018/QĐST-HN ngày 01 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn*:** Chị Trần Thị Bích H, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 07/12/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Bích H trình bày: Do mai mối và được sự đồng ý của hai bên gia đình chị với anh L đi đến hôn nhân và tổ chức lễ cưới vào năm 2003. Hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Sau ngày cưới thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L đi uống rượu về nhà kiếm chuyện chửi và đánh chị. Chị đã cố gắng chịu đựng để khuyên anh L sửa chữa, để xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng anh L không thay đổi nên đến ngày 15/11/2017, chị đã bỏ nhà ra đi và hai người sống ly thân cho đến nay.

Về con chung: có hai người gồm Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 14/6/2004 và Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 26/6/2006, hiện đang sống với chị.

Về tài sản chung: Vợ chồng có cất căn nhà trên đất cha mẹ chồng, chiều ngang 6 mét, chiều dài 10 mét, diện tích 60m^2 và 03 con bò hiện do anh L đang quản lý, giá trị khoảng 30.000.000 đồng,

Về nợ chung phải thu, phải trả: Vợ chồng không thiếu nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng chị.

Nay về hôn nhân: chị xin được ly hôn. Về con chung tùy theo nguyện vọng của con sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, nếu sống với chị thì chị nuôi dưỡng và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết. Về nợ phải thu, phải trả: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày: Do làm mai mối anh với chị H đi đến hôn nhân vào năm 2003. Hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh đi uống rượu về có cự cãi với chị H và có đánh chị H khoảng 3, 4 lần. Sự việc này được gia đình bên vợ khuyên răn và Đoàn thể địa phương giải quyết nhưng không khắc phục được, từ đó hai người đã sống ly thân với nhau khoảng 03 tháng nay.

Về con chung: có hai người gồm Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 14/6/2004 và Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 26/6/2006, hiện đang sống với chị H.

Về tài sản chung: có 03 con bò hiện đã bán 01 con còn lại chỉ có hai con bò và 01 căn nhà lá cất trên đất cha, mẹ ruột, ngoài ra vợ chồng không có tài sản nào khác.

Về nợ chung phải thu, phải trả: không có.

Nay về hôn nhân: anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ lại. Nếu pháp luật giải quyết cho ly hôn; Về con chung: tùy theo nguyện vọng của con sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, nếu con sống với anh thì anh nuôi dưỡng và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.Về nợ chung phải thu, phải trả: không có nên cũng không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu về hôn nhân, về con chung và không có cung cấp chứng cứ mới.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh kết luận về trình tự thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như: Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Về vấn đề thu thập chứng cứ, tiếp hành kiểm tra việc giao nhận, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu cũng như việc gửi, tống đạt các văn vản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng theo quy

định của bộ Luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 28, điều 35, điều 147, điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng các Điều 51, 56, 59, 81, 82, 83, 84, Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Bích H. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn L; Về con chung: Công nhận cho chị Trần Thị Bích H được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc con Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 26/6/2006 và Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 14/6/2004; về cấp dưỡng nuôi con: Chị H chưa đặt ra yêu cầu giải quyết về phần cấp dưỡng nên không xem xét. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được ngăn cản; Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Đình chỉ giải quyết phần chia tài sản chung của chị Trần Thị Bích H; về nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Buộc đương sự phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về hôn nhân:** Chị Trần Thị Bích H và anh Nguyễn Văn L xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2003. Hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 03/10/2003 nên hôn nhân giữa chị H và anh L là hợp pháp.

Quá trình chung sống hai bên đã xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng được chị H thừa nhận tại tại phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, anh L cũng thừa nhận tại bản khai ngày 01/02/2018. Và qua xác minh tại địa phương thể hiện mâu thuẫn vợ chồng của chị H và anh L đã căng thẳng, đã xảy ra việc xô xác đánh nhau, chính quyền địa phương có khuyên giải nhưng không có kết quả, chị H cho rằng đến nay, anh L không sửa đổi, chị nhiều lần cho anh L có cơ hội để sửa chữa những khuyết điểm nhưng đến nay, anh L vẫn không khắc phục được. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn thương yêu nhau nữa, mục đích hôn nhân không còn khả năng đoàn tụ lại.

Xét thấy, căn cứ Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định về tình nghĩa vợ chồng, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đở nhau, cùng nhau chia sẽ thực hiện các công việc trong gia đình, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau. Đối với hôn nhân giữa chị H và anh L đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến xô xác nhau, hiện tại hai người đã cắt đứt quan hệ vợ chồng mỗi người sống mỗi nơi, không còn sống chung với nhau nữa, không còn quan tâm chăm sóc, lẫn nhau. Từ những phân tích trên xét thấy mục đích hôn nhân của chị H và anh L không đạt được nữa nên có căn cứ chấp nhận

yêu cầu của chị H xin được ly hôn với anh L là phù hợp tại điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] ***Về con chung*:** có hai người gồm: Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 14/6/2004 và Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 26//6/2006, hiện đang sống chung với chị H. Nguyện vọng của em H và em Yến N mong muốn được sống chung với chị H và chị H cũng đồng ý tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng con. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cũng cần phải xem xét mọi mặc và quyền lợi của các con chưa thành niên. Xét thấy cháu H và Yến N hiện tại đang sống chung với chị H, từ khi chị H và anh L cắt đứt quan hệ vợ chồng cho đến nay, các cháu do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con hằng ngày và đảm bảo chăm sóc tốt cho con trong cuộc sống. Nghĩ nên chấp nhận nguyện vọng của cháu Kim H và Yến N nên giao các cháu cho chị H tiếp tục chăm sóc các con là có căn cứ phù hợp với điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy về con chung: Công nhận cho chị H được chăm sóc, nuôi dưỡng con Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 14/6/2004 và Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 26//6/2006.

[3] ***Về cấp dưỡng nuôi con*:** chị H chưa đặt ra yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

[4] ***Về tài sản chung*:** Việc chị H xin rút yêu cầu chia tài sản chung là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận yêu cầu này của chị H và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị H. Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] ***Về nợ chung phải thu, phải trả***: Hai bên thừa nhận không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[6] ***Về án phí hôn nhân sơ thẩm*:** chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, anh L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu Xin ly hôn của chị Trần Thị Bích H.

[1] **Về quan hệ hôn nhân**: Cho chị Trần Thị Bích H được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

[2] **Về con chung**: Công nhận cho chị Trần Thị Bích H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 14/6/2004 và Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 26//6/2006.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

[3] **Về cấp dưỡng nuôi con**: Chị H chưa đặt ra yêu cầu giải quyết về phần cấp dưỡng nên không xem xét, giải quyết

[4] **Về tài sản chung:** Hai bên không đặt ra yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Đình chỉ giải quyết phần yêu cầu chia tài sản chung của chị Trần Thị Bích H.

[5] **Nợ chung phải thu, phải trả:** Hai bên thừa nhận không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[6] **Về án phí hôn nhân sơ thẩm:** Chị Trần Thị Bích H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2015 00014486 ngày 12/01/2018 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu. Chị H đã nộp đủ án phí.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền 375.000 cho chị Trần Thị Bích H theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015 00014487 ngày 12/01/2018 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu.

Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa được biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày án sơ thẩm tuyên.

(*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Nhung

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKSND tỉnh, huyện;
-Chi cục Thi hành án
-Các đương sự;
-Lưu HSVA.